

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1825/QĐ-ĐHNH, ngày 22 tháng 12 năm 2014  
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh)

Tên chương trình (chuyên ngành): **QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Ngành đào tạo: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Mã ngành: **52340101**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh nắm vững **kiến thức nền tảng, hiện đại** về quản trị trong kinh doanh theo chuẩn mực quốc tế và Việt Nam; có **năng lực xây dựng và thực hiện** các kế hoạch/dự án kinh doanh cho cá nhân, tổ chức, chính phủ và các tổ chức quốc tế.

**1.2. Mục tiêu cụ thể** (Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: Kiến thức, kỹ năng, thái độ - phẩm chất)

1.	<b>KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH</b>	<b>Trình độ năng lực</b>
<b>1.1</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	
1.1.1	Hiểu biết các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh	2
1.1.2	Hiểu biết các kiến thức toán học và khoa học tự nhiên	2
1.1.3	Hiểu biết các kiến thức khoa học xã hội cơ bản	2
<b>1.2</b>	<b>KIẾN THỨC CƠ SỞ KHÓI NGÀNH</b>	
1.2.1	Hiểu biết và giải thích được các kiến thức nền tảng về kinh tế học	2
1.2.2	Hiểu và giải thích được các nguyên lý cơ bản của kế toán, thống kê	2
1.2.3	Hiểu và vận dụng các văn bản pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh	2
1.2.4	Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh	2
1.2.5	Áp dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội để nghiên	3

	cứu vấn đề kinh tế	
<b>1.3</b>	<b>KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>	
1.3.1	Hiểu biết và áp dụng các kiến thức về tài chính trong nền kinh tế	3
1.3.2	Hiểu biết và áp dụng kiến thức về tổ chức và quản lý thông tin trong quản trị	3
<b>1.4</b>	<b>KIẾN THỨC NGÀNH</b>	
1.4.1	Phân tích và xây dựng kế hoạch, dự án, chương trình trong hoạt động Marketing và quản trị kinh doanh	4
1.4.2	Phân tích và xây dựng kế hoạch, dự án, chương trình trong hoạt động quản trị công ty	4
<b>1.5</b>	<b>KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH</b>	
1.5.1	Hiểu biết và ứng dụng kiến thức vào hoạt động quản trị chuỗi cung ứng	4
1.5.2	Hiểu biết và ứng dụng kiến thức vào hoạt động quản trị nguồn nhân lực	4
1.5.3	Hiểu biết và ứng dụng kiến thức vào hoạt động quản trị chất lượng	4
1.5.4	Hiểu biết và ứng dụng kiến thức vào hoạt động khởi nghiệp kinh doanh	4
1.5.5	Hiểu biết và ứng dụng kiến thức vào hoạt động marketing	4
<b>1.6</b>	<b>KIẾN THỨC THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP</b>	
1.6.1	Phân tích, báo cáo, thẩm định hoặc lập dự án kinh doanh	4
1.6.2	Ứng dụng kiến thức để phân tích, nghiên cứu các tình huống cụ thể trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, marketing	4
<b>2.</b>	<b>KỸ NĂNG VÀ PHẨM CHẤT CỦA CÁ NHÂN &amp; TRONG NGHỀ NGHIỆP</b>	
<b>2.1</b>	<b>KHẢ NĂNG PHÂN TÍCH, LẬP LUẬN TƯ DUY VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ</b>	
2.1.1	Nhận dạng và xác định một vấn đề quản trị kinh doanh ( <i>dựa vào số liệu, thông tin, hiện tượng để định hướng phương pháp giải quyết vấn đề</i> )	4
2.1.2	Mô hình hóa vấn đề quản trị, quản lý trong hoạt động kinh doanh: <i>xác định các giả thiết và các yếu tố ảnh hưởng đến mô hình cũng như kết quả</i>	4

2.1.3	Kỹ năng đánh giá và phân tích định tính vấn đề	4
2.1.4	Kỹ năng phân tích vấn đề khi thiếu thông tin	3
2.1.5	Kỹ năng phân tích định lượng vấn đề	4
2.1.6	Kỹ năng giải quyết vấn đề	4
2.1.7	Đưa ra giải pháp và kiến nghị	4
<b>2.2</b>	<b>NGHIÊN CỨU VÀ KHÁM PHÁ KIẾN THỨC</b>	
2.2.1	Hình thành các giả thuyết	3
2.2.2	Tìm kiếm và tổng hợp tài liệu	4
2.2.3	Nghiên cứu thực nghiệm	4
2.2.4	Kiểm định giả thuyết	3
2.2.5	Khả năng ứng dụng nghiên cứu trong thực tiễn	4
2.2.6	Kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin	4
<b>2.3</b>	<b>TƯ DUY THEO HỆ THỐNG</b>	
2.3.1	Tư duy chính thể/ logic	3
2.3.2	Phát hiện các vấn đề và mối tương quan giữa các vấn đề	3
2.3.3	Xác định vấn đề ưu tiên	3
2.3.4	Phân tích sự lựa chọn giữa các vấn đề và tìm ra cách giải quyết cân bằng	3
2.3.5	Tư duy phân tích đa chiều	3
<b>2.4</b>	<b>CÁC KỸ NĂNG VÀ PHẨM CHẤT CỦA CÁ NHÂN</b>	
2.4.1	Sẵn sàng đi đầu và đương đầu với rủi ro	<b>4</b>
2.4.2	Kiên trì	4
2.4.3	Linh hoạt	4
2.4.4	Tự tin	4
2.4.5	Chăm chỉ	4
2.4.6	Nhiệt tình và say mê công việc	4
2.4.7	Tư duy sáng tạo	3

2.4.8	Tư duy phản biện	4
2.4.9	Hiểu và phân tích được kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và thái độ của một cá nhân khác	4
2.4.10	Khám phá và học hỏi từ cuộc sống	4
2.4.11	Quản lý thời gian và nguồn lực	4
2.4.12	Kỹ năng thích ứng với sự phức tạp của thực tế	4
2.4.13	Sự hiểu biết về các nền văn hóa khác nhau	3
2.4.14	Tinh thần tự tôn (Self-esteem)/ Tự trọng	4
2.4.15	Kỹ năng học và tự học	4
2.4.16	Kỹ năng quản lý bản thân	4
2.4.17	Kỹ năng sử dụng máy tính	4
<b>2.5</b>	<b>CÁC KỸ NĂNG VÀ PHẨM CHẤT TRONG NGHỀ NGHIỆP</b>	
2.5.1	Đạo đức nghề nghiệp (trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy)	4
2.5.2	Hành vi chuyên nghiệp	3
2.5.3	Kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai	4
2.5.4	Kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc	4
2.5.5	Nhận thức và bắt kịp với kinh tế thế giới hiện đại	3
2.5.6	Khả năng làm việc độc lập	4
2.5.7	Tự tin trong môi trường làm việc quốc tế	4
2.5.8	Kỹ năng đặt mục tiêu	4
2.5.9	Kỹ năng tạo động lực làm việc	4
2.5.10	Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp	4
2.5.11	Kỹ năng chăm sóc khách hàng và đối tác	4
<b>3.</b>	<b>KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP</b>	
<b>3.1</b>	<b>LÀM VIỆC THEO NHÓM</b>	
3.1.1	Hình thành nhóm làm việc hiệu quả	4
3.1.2	Vận hành nhóm	4

3.1.3	Phát triển nhóm	4
3.1.4	Lãnh đạo nhóm	4
3.1.5	Kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau	4
<b>3.2</b>	<b>GIAO TIẾP</b>	
3.2.1	Chiến lược giao tiếp	3
3.2.2	Cấu trúc giao tiếp (cách lập luận, sắp xếp ý tưởng..)	4
3.2.3	Kỹ năng giao tiếp bằng văn bản	4
3.2.4	Kỹ năng giao tiếp qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông	4
3.2.5	Kỹ năng thuyết trình	4
3.2.6	Kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân	4
<b>3.3</b>	<b>GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ</b>	
3.3.1	Tiếng Anh - kỹ năng nghe, nói	4
3.3.2	Tiếng Anh - kỹ năng đọc, viết	4
<b>4.</b>	<b>KỸ NĂNG ÁP DỤNG KIẾN THỨC VÀO THỰC TIỄN</b>	
<b>4.1</b>	<b>BỐI CẢNH XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI</b>	
4.1.1	Vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị đối với xã hội	4
4.1.2	Nhận thức được những lợi ích của việc ứng dụng tri thức về quản trị kinh doanh vào thực tiễn xã hội	4
4.1.3	Quy định của xã hội về hoạt động quản trị kinh doanh	4
4.1.4	Kiến thức pháp luật, lịch sử và văn hóa	4
4.1.5	Các vấn đề thời sự	4
4.1.6	Bối cảnh toàn cầu	3
<b>4.2</b>	<b>BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ KINH DOANH</b>	
4.2.1	Sự đa dạng văn hóa doanh nghiệp	3
4.2.2	Chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của doanh nghiệp	4
4.2.3	Mối quan hệ giữa doanh nghiệp & các vấn đề về quản trị kinh doanh	4
4.2.4	Khả năng thích ứng trong các môi trường làm việc khác nhau	4

<b>4.3</b>	<b>HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN TRỊ KINH DOANH</b>	
4.3.1	Thiết lập mục tiêu kinh doanh (dựa trên nhu cầu và bối cảnh xã hội)	4
4.3.2	Diễn giải các mục tiêu và yêu cầu đối với hoạt động quản trị kinh doanh	4
4.3.3	Mô hình hóa ý tưởng kinh doanh và đảm bảo các mục tiêu đề ra có thể đạt được	4
4.3.4	Quản trị hoạt động quản trị kinh doanh	4
<b>4.4</b>	<b>XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN/ DỰ ÁN/ ĐỀ ÁN VỀ QUẢN TRỊ KINH DOANH</b>	
4.4.1	Quá trình thiết kế dự án (các điều kiện thực hiện...)	4
4.4.2	Cách tiếp cận của dự án (phương pháp tiếp cận, các bước...)	4
4.4.3	Sử dụng kiến thức trong thiết kế dự án	4
4.4.4	Thiết kế dự án chuyên ngành (công cụ, phương pháp và quy trình ...)	4
4.4.5	Thiết kế dự án đa ngành (mối liên hệ giữa công cụ, phương pháp và quy trình...)	3
4.4.6	Thiết kế dự án đa mục tiêu (thiết kế quá trình thực hiện, thử nghiệm, xác định mức độ rủi ro...)	3
<b>4.5</b>	<b>TRIỂN KHAI PHƯƠNG ÁN/ DỰ ÁN/ ĐỀ ÁN VỀ QUẢN TRỊ KINH DOANH</b>	
4.5.1	Đào tạo/ tập huấn để thực hiện phương án/ dự án/ chính sách	4
4.5.2	Lựa chọn nguồn lực thực hiện phương án/ dự án/ chính sách	3
4.5.3	Tổ chức thực hiện phương án/ dự án/ chính sách	3
<b>4.6</b>	<b>ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN/ DỰ ÁN/ ĐỀ ÁN VỀ QUẢN TRỊ KINH DOANH</b>	
4.6.1	Thiết kế các tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện	4
4.6.2	Đánh giá kết quả thực hiện (kinh tế-xã hội-môi trường..)	4
4.6.3	Điều chỉnh/ nâng cấp dự án/ phương án/ chính sách	4
4.6.4	Sáng tạo các dự án/ phương án/ chính sách mới	4

### *1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp*

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể khởi nghiệp kinh doanh hoặc làm việc tại các công ty, ngân hàng thương mại, định chế tài chính trung gian, tổ chức kinh tế, chính trị xã hội, cơ quan của chính phủ trong và ngoài nước.

Về vị trí công việc cụ thể, sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại các bộ phận lập kế hoạch, phát triển chiến lược kinh doanh; phân tích kinh doanh; quản lý sản phẩm, truyền thông, marketing, quan hệ khách hàng, phát triển mạng lưới; Chuyên viên xúc tiến thương mại, đàm phán, thương lượng, ký kết hợp đồng kinh doanh; quản trị nguồn nhân lực; quản trị văn phòng,...

Sinh viên tốt nghiệp cũng có thể trở thành những nghiên cứu viên ở các Trung tâm, Viện nghiên cứu; giảng viên tham gia công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường đại học trong và ngoài nước.

#### ***1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường***

Người học có khả năng tự học tập và rèn luyện suốt đời để hoàn thiện bản thân và đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc.

Người học có thể học bổ sung một số học phần để đủ điều kiện nhận văn bằng cử nhân thứ hai của Đại Học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh; sinh viên có thể tham gia các chương trình đào tạo liên thông quốc tế tại một số trường đại học uy tín trên thế giới có liên kết đào tạo với Đại Học Ngân Hàng TP.HCM. Ngoài ra, sau khi học bổ sung một số môn chuyển đổi, người học có thể học các chương trình cao học về Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Kế toán v.v... tại các trường đại học trong nước và quốc tế.

#### ***1.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo***

Chương trình đào tạo này được xây dựng dựa trên khung chuẩn đầu ra và cách tiếp cận CDIO. Quá trình xây dựng định hướng tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế và trong tương lai gần sẽ được tổ chức Kiểm định chất lượng AUN-QA đánh giá.

Chương trình được kế thừa, phát triển từ chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh của Đại học Ngân Hàng Tp. Hồ Chí Minh và có sự tham khảo chương trình đào tạo chất lượng cao của một số trường đại học khác trong nước và trên thế giới.

**2. Thời gian đào tạo:** Thiết kế thời gian tổ chức đào tạo là 04 năm với 08 học kỳ chính và 03 học kỳ phụ được tổ chức trong thời gian nghỉ hè nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có thể tham gia các chương trình quốc tế về trao đổi sinh viên; tham gia các chương trình ngoại khóa; thực hành, thực tập gắn với môn học; đăng ký học vượt, học cải thiện điểm hoặc học lại các học phần tích lũy chưa đạt.

Sinh viên có thể học vượt để hoàn thành chương trình trước 1,5 năm so với thời gian được thiết kế. Trong trường hợp học kéo dài thì thời gian kéo dài thêm không quá 02 năm.

Sinh viên có thể tham gia các chương trình đào tạo liên thông quốc tế của Đại học Ngân hàng Tp. HCM với các trường đại học uy tín trên thế giới. Tùy theo chương trình liên kết, thời gian học tập tại nước ngoài có thể từ 01 đến 04 học kỳ. Hoàn thành chương trình, sinh viên có thể được nhận Bằng tốt nghiệp của trường liên kết và Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp không đáp ứng được các yêu cầu của chương trình hoặc theo nhu cầu cá nhân, sinh viên có thể chuyển sang học chương trình đào tạo đại trà của trường theo quy chế.

**3. Khối lượng kiến thức:** Không kể các học phần Giáo dục thể chất (5 đvtc) và Giáo dục quốc phòng (8 đvtc) được tổ chức đào tạo theo quy định. Khối lượng kiến thức của Chương trình đào tạo chất lượng cao gồm:

- Khối kiến thức Giáo dục đại cương và chuyên nghiệp: 129 đvtc
- Khối kiến thức tiếng Anh tăng cường: 20 đvtc
- Chương trình huấn luyện kỹ năng mềm: 08 đvtc

**4. Đối tượng tuyển sinh:**

Sinh viên đã trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hàng năm vào các ngành/khối ngành đào tạo tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:** Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.

**6. Thang điểm:** Áp dụng kết hợp thang điểm 10, thang điểm chữ và thang điểm 4. Các thang điểm được quy đổi theo nguyên tắc tương đương và được sử dụng theo những quy định cụ thể tại “Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ”

**7. Kết cấu chương trình đào tạo:**

<b>TT</b>	<b>CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Trọng số (%)</b>
<b>1</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG &amp; CƠ SỞ KHỐI NGÀNH</b>	<b>55</b>	<b>42.6%</b>
1.1	Kiến thức giáo dục đại cương	23	17.8%
1.2	Kiến thức cơ sở khối ngành	32	24.8%
<b>2</b>	<b>KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH, NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH</b>	<b>62</b>	<b>48.1%</b>
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	21	16.3%
2.2	Kiến thức ngành	20	15.5%
2.3	Kiến thức chuyên ngành	15	11.6%
2.4	Kiến thức bổ trợ, tự chọn	6	4.6%
<b>3</b>	<b>HỌC PHẦN THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP</b>	<b>12</b>	<b>9.3%</b>
3.1	Học phần thực tập cuối khóa/ Internship	3	2.3%
3.2	Học phần khóa luận tốt nghiệp/ Research Paper	9	7.0%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>129</b>	<b>100.0 %</b>

**8. Chương trình đào tạo**



<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>
<b>1</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG &amp; CƠ SỞ KHỐI NGÀNH</b>	<b>55</b>
<b>1.1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>23</b>
<b>1.1.1</b>	<b>Các môn lý luận chính trị</b>	<b>10</b>
1.1.1.1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1/ <i>Basics of Marxism and Leninism 1</i>	2
1.1.1.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2/ <i>Basics of Marxism and Leninism 2</i>	3
1.1.1.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam/ <i>Revolutionary Line of the Communist Party of Vietnam</i>	3
1.1.1.4	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	2
<b>1.1.2</b>	<b>Các môn khoa học cơ bản</b>	<b>13</b>
1.1.2.1	Toán cao cấp 1/ <i>Advanced Mathematic 1 (Đại số tuyến tính/ Linear Algebra)</i>	2
1.1.2.2	Toán cao cấp 2/ <i>Advanced Mathematic 2 (Giải tích/ Analysis)</i>	2
1.1.2.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability and Statistics</i>	3
1.1.2.4	Mô hình toán kinh tế/ <i>Mathematical models in economics</i>	2
1.1.2.5	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ <i>Arguments for State and Law</i>	2
1.1.2.6	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	2
<b>1.1.3</b>	<b>Giáo dục thể chất - quốc phòng</b> ( <i>Không tính số tín chỉ vào chương trình đào tạo</i> )	<b>13</b>
1.1.3.1	Giáo dục thể chất/ <i>Physical Education</i>	5
1.1.3.2	Giáo dục quốc phòng – an ninh/ <i>Defense - Security Education</i>	8
<b>1.2</b>	<b>Kiến thức cơ sở khối ngành</b>	<b>32</b>
1.2.1	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3
1.2.2	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3
1.2.3	Nguyên lý thống kê/ <i>Principles of Statistic</i>	2
1.2.4	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	3

1.2.5	Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>	3
1.2.6	Luật kinh doanh/ <i>Business Law</i>	3
1.2.7	Quản trị học/ <i>Fundamental of Management</i>	2
1.2.8	Nguyên lý Marketing/ <i>Principles of Marketing</i>	2
1.2.9	Tin học ứng dụng/ <i>Applied Informatics</i>	3
1.2.10	Kinh tế lượng/ <i>Econometrics</i>	3
1.2.11	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Research Method</i>	2
1.2.12	Lịch sử các học thuyết kinh tế/ <i>History of Economic Theories</i>	3
<b>2</b>	<b>KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH, NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH</b>	<b>62</b>
<b>2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>21</b>
2.1.1	Lý thuyết tài chính – tiền tệ/ <i>Financial and Monetary Theory</i>	3
2.1.2	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3
2.1.3	Hệ thống thông tin quản lý/ <i>Management Information System</i>	3
2.1.4	Truyền thông trong kinh doanh/ <i>Business Communications</i>	3
2.1.5	Thuế/ <i>Taxation</i>	3
2.1.6	Anh văn chuyên ngành 1/ <i>English for Specific Purposes 1</i>	3
2.1.7	Anh văn chuyên ngành 2/ <i>English for Specific Purposes 2</i>	3
<b>2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>20</b>
2.2.1	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp/ <i>Business Ethics and Organizational Culture</i>	3
2.2.2	Quản trị vận hành/ <i>Operation Management</i>	3
2.2.3	Quản trị nguồn nhân lực/ <i>Human Resource Management</i>	3
2.2.4	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư/ <i>Projects Appraisal</i>	3
2.2.5	Quản trị chiến lược/ <i>Strategic Management</i>	3
2.2.6	Quản trị marketing/ <i>Marketing Management</i>	3
2.2.7	Kinh tế lượng ứng dụng/ <i>Applied Econometrics</i>	2
<b>2.3</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>15</b>

2.3.1	Quản trị chuỗi cung ứng/ <i>Supply Chain Management</i>	3
2.3.2	Hành vi tổ chức/ <i>Organization Behavior</i>	3
2.3.3	Khởi nghiệp kinh doanh/ <i>Entrepreneurship</i>	3
2.3.4	Hành vi khách hàng/ <i>Consumer's Behavior</i>	3
2.3.5	Quản trị chất lượng/ <i>Quality Management</i>	3
<b>2.4</b>	<b>Các môn bổ trợ, tự chọn thuộc kiến thức ngành, chuyên ngành:</b> <i>Sinh viên chọn 02 học phần trong 04 học phần sau đây để tích lũy</i>	<b>6</b>
2.4.1	Thị trường tài chính và các định chế tài chính/ <i>Financial Markets and Institutions</i>	3
2.4.2	Hoạt động kinh doanh ngân hàng/ <i>Banking Operations</i>	3
2.4.3	Kiểm toán căn bản/ <i>Principles of Auditing</i>	3
2.4.4	Kế toán quản trị/ <i>Management Accounting</i>	3
<b>3</b>	<b>HỌC PHẦN THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP</b>	<b>12</b>
3.1	Học phần thực tập nghề nghiệp/ <i>Internship</i>	3
3.2	Học phần khóa luận tốt nghiệp/ <i>Research Paper</i>	9

## 9. Kế hoạch giảng dạy phân theo học kỳ:

### Học kỳ 1

TT	TÊN HỌC PHẦN	STC
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1/ <i>Basics of Marxism and Leninism 1</i>	2
2	Toán cao cấp 1/ <i>Advanced Mathematic 1 (Đại số tuyến tính/ Linear Algebra)</i>	2
3	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3
4	Quản trị học/ <i>Fundamental of Management</i>	2
5	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	2
6	Học phần GDTC 1	1
7	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8
	<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>	<b>20</b>

**Học kỳ 2**

<b>TT</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>STC</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2/ <i>Basics of Marxism and Leninism 2</i>	3
2	Toán cao cấp 2/ <i>Advanced Mathematic 2 (Giải tích/ Analysis)</i>	2
3	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ <i>Arguments for State and Law</i>	2
4	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3
5	Nguyên lý thống kê/ <i>Principles of Statistic</i>	2
6	Nguyên lý Marketing/ <i>Principles of Marketing</i>	2
7	Lý thuyết tài chính – tiền tệ/ <i>Financial and Monetary Theory</i>	3
8	Học phần GDTC 2	1
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>		<b>17</b>

**Học kỳ 3**

<b>TT</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>STC</b>
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	2
2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability and Statistics</i>	3
3	Mô hình toán kinh tế/ <i>Mathematical models in economics</i>	2
4	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	3
5	Tin học ứng dụng/ <i>Applied Informatics</i>	3
6	Kinh tế lượng/ <i>Econometrics</i>	3
7	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3
8	Học phần GDTC 3	1
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>		<b>18</b>

**Học kỳ 4**

<b>TT</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>STC</b>
1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam/ <i>Revolutionary Line of the Communist Party of Vietnam</i>	3
2	Luật kinh doanh/ <i>Business Law</i>	3

3	Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>	3
4	Hệ thống thông tin quản lý/ <i>Management Information System</i>	3
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Research Method</i>	2
6	Lịch sử các học thuyết kinh tế/ <i>History of Economic Theories</i>	3
7	Học phần GDTC 4	1
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>		<b>18</b>

### Học kỳ 5

TT	TÊN HỌC PHẦN	STC
1	Anh văn chuyên ngành 1/ <i>English for Specific Purposes 1</i>	3
3	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp/ <i>Business Ethics and Organizational Culture</i>	3
4	Truyền thông trong kinh doanh/ <i>Business Communications</i>	3
5	Thuế/ <i>Tax</i>	3
2	Quản trị vận hành/ <i>Operation Management</i>	3
6	Kinh tế lượng ứng dụng/ <i>Applied Econometrics</i>	2
7	Học phần GDTC 5	1
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>		<b>18</b>

### Học kỳ 6

TT	TÊN HỌC PHẦN	STC
1	Anh văn chuyên ngành 2/ <i>English for Specific Purposes 2</i>	3
3	Quản trị nguồn nhân lực/ <i>Human Resource Management</i>	3
4	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư/ <i>Projects Appraisal</i>	3
2	Hành vi khách hàng/ <i>Consumer's Behavior</i>	3
5	Quản trị marketing/ <i>Marketing Management</i>	3
6	Các môn bổ trợ, tự chọn thuộc kiến thức ngành, chuyên ngành	3
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>		<b>18</b>

### Học kỳ 7

TT	TÊN HỌC PHẦN	STC
1	Quản trị chuỗi cung ứng/ <i>Supply Chain Management</i>	3
2	Khởi nghiệp kinh doanh/ <i>Entrepreneurship</i>	3
3	Quản trị chiến lược/ <i>Strategic Management</i>	3
4	Hành vi tổ chức/ <i>Organization Behavior</i>	3
5	Quản trị chất lượng/ <i>Quality Management</i>	3
6	Các môn bổ trợ, tự chọn thuộc kiến thức ngành, chuyên ngành	3
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>		<b>18</b>

### Học kỳ 8

TT	TÊN HỌC PHẦN	STC
1	Thực tập cuối khóa/internship	3
2	Học phần khóa luận tốt nghiệp/ <i>Research Paper</i>	9
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>		<b>12</b>

### 10. Mô tả môn học vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

- **Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lenin (5 tín chỉ)**

**Môn học trước:** không

#### **Mô tả môn học**

Giúp sinh viên có thể hiểu về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; *ngiên cứu* ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

- **Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lenin

#### **Mô tả:**

Môn học cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa của Hồ Chí Minh; Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam; Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

- **Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lenin; Tư tưởng Hồ Chí Minh

**Mô tả:**

Môn học cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng; giúp sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- **Toán cao cấp 1 (2 tín chỉ)**

**Môn học trước:** không

**Mô tả:**

Môn học trang bị các kiến thức toán cao cấp về đại số tuyến tính cho sinh viên khối kinh tế. Nội dung chính bao gồm: ma trận, định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vectơ  $R^n$ ; phép biến đổi tuyến tính; chéo hóa ma trận; dạng toàn phương.

Học xong môn này sinh viên có thể chuyển hóa các dạng bài toán kinh tế sang dạng hệ phương trình hoặc ma trận để xử lý, từ đó đạt được kết quả mong muốn ban đầu.

- **Toán cao cấp 2 (2 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Toán cao cấp 1 (Đại số tuyến tính)

**Mô tả:**

Môn học trang bị các kiến thức toán cao cấp về giải tích ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân, tích phân của hàm số một biến số; hàm nhiều biến: giới hạn, liên tục, đạo hàm riêng và vi phân toàn phần, cực trị tự do và cực trị có điều kiện; một số dạng phương trình vi phân cấp 1, cấp 2.

Học xong môn học này, sinh viên có thể áp dụng để thực hiện các tính toán trong kinh tế, hoặc xác định các cực trị, tối ưu hàm mục tiêu v.v...

- **Lý thuyết xác suất và thống kê toán (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Toán cao cấp 2

**Mô tả:**

Môn học cung cấp các kiến thức về toán xác suất và thống kê. Nội dung bao gồm: Biến cố ngẫu nhiên, xác suất của một biến cố; biến ngẫu nhiên, luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, các đặc trưng số của biến ngẫu nhiên, luật số lớn; biến ngẫu nhiên nhiều chiều; mẫu và các đặc trưng mẫu, các phân phối xác suất của các đặc trưng mẫu; ước lượng tham số; kiểm định giả thuyết thống kê về tham số.

Học xong môn học này, sinh viên có thể tiến hành toán xác suất của các biến cố ngẫu nhiên, hiểu về quy luật mà các biến ngẫu nhiên tuân theo và tiến hành xử lý số liệu thống kê đơn giản bằng phần mềm SPSS trên PC, cũng như bằng máy tính bỏ túi.

- **Mô hình toán kinh tế (2 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Toán cao cấp 2, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

**Mô tả:**

Môn học cung cấp các kiến thức về mô hình toán kinh tế gồm: xây dựng mô hình toán kinh tế; tính toán các chỉ tiêu của mô hình; giới thiệu một số mô hình: mô hình vào ra (I-O), mô hình tối ưu tuyến tính – qui hoạch tuyến tính.

Học xong môn này sinh viên sẽ hiểu được các khái niệm về mô hình, lập được một số mô hình đơn giản, ý nghĩa của các chỉ tiêu trong kinh tế và nắm được các phương pháp giải của một số dạng bài toán mô hình tuyến tính.

- **Lý luận về nhà nước và pháp luật (2 tín chỉ)**

**Môn học trước:** không

**Mô tả:**

Môn học này nghiên cứu về những vấn đề liên quan tới qui luật hình thành, phát triển và bản chất của nhà nước và pháp luật. Nội dung chính đề cập đến: các vấn đề lý luận và thực tiễn của nhà nước và pháp luật nói chung, tới nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; các vấn đề liên quan đến những khái niệm cơ bản của pháp luật như vi phạm pháp luật, qui phạm pháp luật....; hệ thống pháp luật và những thành tố cơ bản của nó

Môn học bao gồm 4 phần chính là: các nội dung cơ bản về Nhà nước, các nội dung cơ bản về pháp luật, Pháp luật Việt Nam, cơ chế điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ xã hội

- **Luật kinh doanh (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Lý luận về nhà nước và pháp luật

**Mô tả:**

Môn học này nghiên cứu về những vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh của các chủ thể kinh doanh tại Việt Nam, trong đó chủ yếu là doanh nghiệp. Nội dung chính đề cập đến các vấn đề lý luận và thực tiễn trong qui định của pháp luật liên quan đến điều kiện đầu tư, thành lập, điều hành hoạt động, chấm dứt hoạt động của các chủ thể kinh doanh; các qui định về việc giao kết, thực hiện, chấm dứt hợp đồng; về vấn đề giải quyết tranh chấp trong hoạt động của các chủ thể kinh doanh.

Môn học bao gồm 5 phần chính: Tổng quan về luật kinh doanh; Pháp luật về doanh nghiệp; Pháp luật về hợp đồng; Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại; Pháp luật về cạnh tranh; Pháp luật về phá sản.

- **Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** không

**Mô tả:**

Kinh tế vi mô là môn học cơ sở khối ngành. Môn học này hệ thống hóa kiến thức về hành vi của các tổ chức và cá nhân trong việc ra quyết định sử dụng nguồn tài nguyên khan hiếm dựa trên phân tích quan hệ cung cầu và giá cả hàng hóa, dịch vụ.

Cụ thể, môn học sẽ giới thiệu các khái niệm cơ bản và các công cụ sử dụng trong phân tích kinh tế vi mô; tập trung vào việc phân tích hành vi của người tiêu dùng quyết định đến giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ được cung ứng trên thị trường cũng như hành vi của các doanh nghiệp trên các cấu trúc thị trường khác nhau. Bên cạnh đó, môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường làm cơ sở cho việc định hướng can thiệp của Nhà nước nhằm đạt được hiệu quả tối ưu.



- **Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** kinh tế vi mô

**Mô tả:**

Môn học giới thiệu những kiến thức tổng quát về Kinh tế vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về cách thức hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Môn học trình bày cách tính các chỉ tiêu kinh tế - thước đo thành tựu của 1 nền kinh tế - như chỉ tiêu tổng sản lượng quốc gia, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lạm phát..., cách xác định sản lượng cân bằng dựa vào mối quan hệ tổng cung - tổng cầu, các vấn đề kinh tế vĩ mô của 1 nền kinh tế mở bao gồm tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán và đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế thông qua các chính sách kinh tế như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế cụ thể trong từng thời kì.

- **Kinh tế học quốc tế (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô

**Mô tả:**

Kinh tế học quốc tế nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ và sự di chuyển các nguồn lực kinh tế. Bên cạnh đó, môn học quan sát các xu hướng toàn cầu hóa, xu hướng liên kết kinh tế-thương mại-đầu tư trên thế giới. Ngoài ra, sự vận động của Việt Nam trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế cũng là một nội dung quan trọng của môn học.

- **Lịch sử các học thuyết kinh tế (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** không

**Mô tả:**

Trình bày những nội dung cơ bản về quá trình hình thành, phát sinh, phát triển, đấu tranh và thay thế lẫn nhau của các học thuyết kinh tế qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội. Phương pháp tiếp cận của các nhà kinh tế học khi xây dựng các học thuyết kinh tế.

- **Nguyên lý thống kê (2 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Lý thuyết xác suất và thống kê toán

**Mô tả:**

Môn học cung cấp cho sinh viên hệ thống các kiến thức về hệ thống các chỉ tiêu và phương pháp trong thống kê. Từ đó, giúp sinh viên có khái quát được hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thống kê; vận dụng được quy trình thống kê trong thực tế; vận dụng phương pháp chọn mẫu trong lĩnh vực kinh tế, kế toán, kiểm toán; áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong việc mô tả, phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội; áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong phân tích sự biến động các biến số kinh tế theo thời gian và dự báo các biến số kinh tế; áp dụng các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế.

- **Kinh tế lượng (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Lý thuyết xác suất & thống kê toán, Kinh tế vĩ mô.

**Mô tả:**

Môn học được thiết kế như một môn khoa học ứng dụng, sinh viên được trang bị lý thuyết cơ bản sau đó sử dụng các phần mềm chuyên dụng như Excel, Eviews, hoặc SPSS, STATA để hồi quy, ước lượng, kiểm định, phân tích và dự báo.

Nội dung môn học bao gồm: hồi quy tuyến tính và các dạng đưa về hồi quy tuyến tính theo phương pháp OLS; kiểm tra các hiện tượng đa cộng tuyến, hiện tượng phương sai của sai số thay đổi; chọn mô hình và kiểm định việc chọn mô hình; ước lượng và kiểm định các giả thuyết thống kê; phân tích và dự báo dựa trên kết quả thu được; mô hình hồi quy với số liệu chuỗi thời gian, vấn đề tự tương quan trong mô hình hồi quy chuỗi thời gian và một số mô hình động.

- **Kinh tế lượng ứng dụng (2 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Kinh tế lượng, Kinh tế quốc tế, Tài chính công ty đa quốc gia

**Mô tả:**

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về các phương pháp và mô hình kinh tế lượng được ứng dụng trong nghiên cứu thực nghiệm kinh tế, tài chính với ba phần chính: (i) mô hình hồi qui đa biến trọng tâm vào cách khắc phục các vấn đề phát sinh khi giả định của phân dư bị vi phạm; (ii) các mô hình dữ liệu chuỗi thời gian (times series data models) gồm mô hình hình chuỗi thời gian đơn biến, mô hình đồng liên kết và hiệu chỉnh sai số, mô hình vector tự hồi qui (VAR); (iii) các mô hình phân tích dữ liệu bảng (panel data models) gồm mô hình tác động cố định và mô hình tác động ngẫu nhiên. Môn học được tiếp cận từ góc độ ứng dụng và gắn liền với các lý thuyết kinh tế, tài chính. Các bài giảng được xây dựng nhằm giới thiệu những mô hình cụ thể, các kỹ thuật cần thiết để thực hiện ước lượng/ dự báo, cách thực hiện các kỹ thuật ước lượng trên các nghiên cứu điển hình. Các bài thực hành trên bộ dữ liệu thực tế được cấu trúc đi kèm bài giảng nhằm đảm bảo sinh viên có thể hiểu và ứng dụng vào nghiên cứu.

- **Tin học ứng dụng (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Nguyên lý thống kê, Lý thuyết xác suất và thống kê toán

**Mô tả:**

Học phần cung cấp các khái niệm, nguyên tắc, phương pháp ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các bài toán kinh tế; cung cấp các kiến thức và kỹ năng để sinh viên hiểu được vai trò của công nghệ thông tin, ứng dụng được các sản phẩm công nghệ thông tin trong quản lý, đầu tư tài chính và phân tích dữ liệu nghiên cứu trong kinh tế.

- **Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Kinh tế lượng, tin học ứng dụng

**Mô tả:**

Môn học được xây dựng để cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học một cách có hệ thống và mang tính khoa học;

Giúp người học nắm vững các bước và cùng với các kiến thức từ các môn học khác để thực hiện được một hoạt động nghiên cứu khoa học ở các cấp độ khác nhau: từ xác định vấn đề nghiên cứu; Tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu; Thể hiện và đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học;

Nâng cao nhận thức của người học về vị trí, vai trò của khoa học, hoạt động nghiên cứu khoa học đối với nhân loại. Nhìn nhận, đánh giá một vấn đề trên quan điểm khoa học.

- **Anh văn chuyên Ngành 1 (3 tín chỉ)**

Môn học trước: không

Mô tả:

Trang bị cho sinh viên kiến thức vốn từ và ngữ pháp tiếng Anh **cơ bản** về chuyên ngành Quản trị kinh doanh bao gồm kiến thức về lĩnh vực kinh tế, cơ sở hạ tầng của công ty, cấu trúc công ty, quy trình sản xuất, sản phẩm, tiếp thị,.v.v.

Qua vốn từ cơ bản được cung cấp rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe-nói-đọc-viết tiếng Anh ở mức độ **tiền – trung cấp** để có thể thực hiện tốt các hoạt động giao tiếp qua các tình huống giao dịch trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh.

- **Anh văn chuyên ngành 2 (3 tín chỉ)**

Môn học trước: **Anh văn chuyên ngành 1**

Mô tả:

Trang bị cho sinh viên kiến thức vốn từ và ngữ pháp tiếng Anh **nâng cao** về chuyên ngành Quản trị kinh doanh bao gồm kiến thức về lĩnh vực kinh tế, cơ sở hạ tầng của công ty, cấu trúc công ty, quy trình tuyển dụng, quy trình sản xuất, sản phẩm, tiếp thị,.v.v.

Qua vốn từ cơ bản được cung cấp rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe-nói-đọc-viết tiếng Anh ở mức độ **trung cấp** để có thể thực hiện tốt các hoạt động giao tiếp qua các tình huống giao dịch trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh.

- **Quản trị học (3 tín chỉ)**

Môn học trước: không

Mô tả:

Môn học được xây dựng gồm các phần chính nhằm giới thiệu đến sinh viên khối ngành kinh tế nói chung và sinh viên khoa Quản trị kinh doanh nói riêng nắm bắt được những vấn đề căn bản của quản trị: lịch sử phát triển, khái niệm, vai trò, những chức năng của quản trị; những kỹ năng của nhà quản trị. Từ đó sinh viên còn có khả năng vận dụng những nội dung này để làm nền tảng nhận thức, xác lập định hướng để trau dồi kỹ năng, đồng thời có khả năng nhận biết và giải quyết những vấn đề căn bản thuộc công tác quản trị.

- **Nguyên lý marketing (2 tín chỉ)**

Môn học trước: Kinh tế vi mô

Mô tả:

Môn học được xây dựng gồm có các nguyên lý cơ bản của marketing. Đây là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung marketing cơ bản vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu thập thông tin về thị trường, hiểu được hành vi của khách hàng, thực hiện được hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và biết cách triển khai bộ công cụ marketing để phục vụ nhu cầu của khách hàng mục tiêu, đồng thời mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

- **Marketing Dịch vụ Tài chính (3 chỉ)**

**Môn học trước:** Nguyên lý marketing

**Mô tả:**

Khái quát những vấn đề chung về marketing dịch vụ tài chính; quá trình xâm nhập của Marketing vào hoạt động kinh doanh của các định chế tài chính; tính chất đặc thù của Marketing dịch vụ tài chính. Đề cập một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức, thực hiện Marketing trong hoạt động kinh doanh của các định chế tài chính bao gồm: phân khúc, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị; lập chiến lược và ứng dụng bộ công cụ Marketing 7Ps. Sau khi học xong, người học có thể xây dựng được chiến lược Marketing-mix cho một định chế tài chính cụ thể.

- **Nguyên lý kế toán (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** không

**Mô tả:**

Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về kế toán, cụ thể: đối tượng kế toán, vai trò và chức năng của kế toán. Bên cạnh đó, môn học trang bị kiến thức về các phương pháp kế toán: phương pháp chứng từ, kiểm kê, tài khoản, ghi sổ, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán. Ngoài ra môn học giúp người học hiểu về tổ chức công tác kế toán, các hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính.

- **Kế toán tài chính 1 (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Nguyên lý kế toán, Thuế, Tài chính doanh nghiệp

**Mô tả:**

Môn học cung cấp kiến thức kế toán các phần hành: kế toán vốn bằng tiền, kế toán các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất (kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ; kế toán TSCĐ, kế toán tiền lương), kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán xác định kết quả kinh doanh. Ngoài ra, môn học trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- **Lý thuyết tài chính tiền tệ (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Kinh tế vĩ mô

**Mô tả:**

Lý thuyết Tài chính tiền tệ là một trong những môn học nằm trong khối kiến thức ngành, nội dung của môn học đề cập những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính tiền tệ như: tổng quan về tài chính tiền tệ, ngân sách nhà nước; Những vấn đề cơ bản về tín dụng, ngân hàng và thị trường tài chính; Các lý luận về cung cầu tiền tệ, lãi suất, lạm phát và chính sách tiền tệ... Đây là những kiến thức cần thiết và quan trọng làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng.

- **Thị trường tài chính & các định chế tài chính (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Lý thuyết tài chính tiền tệ

**Mô tả:**

Môn học cung cấp những kiến thức nền tảng, giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về hệ thống tài chính, thị trường tài chính, các định chế tài chính, cách thức vận hành, tổ chức hoạt động và các công cụ giao dịch trên thị trường tài chính.

Môn học gồm 3 phần: tổng quan về hệ thống tài chính, thị trường tài chính và các định chế tài chính. Môn học nghiên cứu: Tổng quan về các thành phần cấu thành nên hệ thống tài chính; Đặc điểm của các công cụ tài chính, vai trò của các chủ thể tham gia, cách thức phát hành và giao dịch của thị trường tài chính; Vai trò và nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng trung gian, công ty bảo hiểm, công ty tài chính, quỹ đầu tư và các tổ chức tài chính khác.

- **Thuế (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Kinh tế vĩ mô; Ly thuyết tài chính tiền tệ

**Mô tả:**

Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng cần thiết, làm cơ sở cho người học nghiên cứu các môn chuyên ngành, sử dụng thuế như một công cụ trong những vấn đề liên quan đến kinh tế, tài chính ở cấp vi mô cũng như vĩ mô.

Nội dung chính của môn học là: Trình bày những kiến thức cơ bản về thuế trên góc độ lý thuyết; Trình bày những vấn đề chung của từng loại thuế và quy định về từng loại thuế hiện hành tại Việt Nam, có liên hệ với những quy định về các loại thuế tương tự ở một số quốc gia; Hướng dẫn phương pháp tính thuế; Lồng ghép việc liên hệ với những môn học khác trong đó có đề cập đến thuế.

- **Tài chính doanh nghiệp (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nguyên lý kế toán.

**Mô tả:**

Tài chính doanh nghiệp là môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp sản xuất, làm tiền đề để học tiếp các môn kế toán tài chính, phân tích tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính doanh nghiệp và đầu tư tài chính và những môn học khác có liên quan đến tài chính của doanh nghiệp. Trong môn học này sinh viên sẽ được nghiên cứu những vấn đề chủ yếu như: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp, Giá trị của tiền theo thời gian, Quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro, Các nguồn tài trợ cho doanh nghiệp, Chi phí sử dụng vốn, Các lý thuyết về cơ cấu vốn, Đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính,...

- **Phân tích tài chính doanh nghiệp (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Kế toán tài chính 1, Tài chính doanh nghiệp

**Mô tả:**

Tình hình và kết quả tài chính của doanh nghiệp được thể hiện thông qua báo cáo tài chính và một số tài liệu khác; vì vậy, để phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, sinh viên phải biết cách đọc và hiểu đúng bản chất của các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, hiểu đầy đủ và chính xác về mối liên hệ giữa các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

Thông qua phân tích, sinh viên có thể đánh giá các khía cạnh tài chính của doanh nghiệp và đưa ra các kết luận đúng đắn về: Kết quả kinh doanh; Tình hình sử dụng vốn và nguồn đáp ứng sử dụng vốn; Cơ cấu tài chính; Khả năng tiết kiệm vốn lưu động; Mối quan hệ giữa các dòng tiền; Nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt giữa dòng tiền ròng hoạt động kinh doanh và lợi nhuận; Hiệu quả sinh lời của vốn và khả năng thanh toán; Điểm mạnh và điểm yếu trong quản trị tài chính của doanh nghiệp cũng như phát hiện những rủi ro tiềm tàng.

- **Hoạt động kinh doanh ngân hàng (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Lý thuyết tài chính tiền tệ, Thị trường tài chính và các định chế tài chính

**Mô tả:**

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế hiện đại, giúp người học nắm vững kiến thức nền tảng trong kinh doanh ngân hàng, tạo điều kiện nghiên cứu sâu hơn về từng loại hoạt động của ngân hàng, trong các môn học thuộc chuyên ngành Ngân hàng.

- **Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Tài chính doanh nghiệp

**Mô tả:**

Môn học cung cấp cho người học những kỹ năng cơ bản về thẩm định dự án và những kỹ thuật hiện đại nhằm hạn chế thấp nhất các rủi ro có khả năng xảy ra khi cho vay dự án. Các nội dung môn học cụ thể gồm (i) Phần thứ nhất: giới thiệu những vấn đề cơ bản về dự án đầu tư bao gồm: tổng quan về dự án đầu tư, dòng tiền, tiêu chuẩn đánh giá và suất chiết khấu trong thẩm định dự án; (ii) Phần thứ hai: giới thiệu về kỹ thuật thẩm định dự án đầu tư bao gồm: tổng quan về thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thị trường, kỹ thuật, nhân lực, tài chính, phân tích rủi ro, phân tích tác động của lạm phát và kỹ thuật đánh giá dự án bằng quyền chọn thực. Thực hành thẩm định tài chính dự án đầu tư bằng phần mềm Excel và Crystal Ball.

- **Kế toán quản trị (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Nguyên lý kế toán

**Mô tả:**

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị, nhận diện chi phí, phân loại chi phí theo các tiêu thức khác nhau từ đó vận dụng để phân tích mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng- lợi nhuận, lập các dự toán ngân sách và cung cấp thông tin đánh giá trách nhiệm quản lý, định giá bán sản phẩm và các thông tin thích hợp trong việc ra quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp.

- **Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** không

**Mô tả môn học**

Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học về đạo đức và văn hóa trong kinh doanh, là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành mang tính chất bổ trợ kiến thức cho sinh viên khối ngành kinh tế nói chung và sinh viên khoa quản trị kinh doanh nói riêng. Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về (1)vấn đề đạo đức trong kinh doanh như khái niệm, vai trò, sự cần thiết, chuẩn mực và cách thức xây dựng đạo đức trong kinh doanh trong điều kiện kinh doanh hiện nay; (2)vấn đề văn hóa doanh nghiệp như khái niệm, sự cần thiết, các nhân tố hình thành, mô hình và cách thức xây dựng và quản lý văn hóa của doanh nghiệp.

- **Khởi nghiệp kinh doanh (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** không

**Mô tả môn học**

Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học về khởi sự doanh nghiệp. Đây là học phần thuộc kiến thức cơ sở chuyên ngành Quản trị kinh doanh và Hệ thống thông tin quản lý. Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về những yếu tố nền tảng, những yêu cầu và kỹ năng cần thiết của doanh nhân; hình thành và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; kế hoạch khởi sự kinh doanh; triển khai hoạt động và từng bước xây dựng hệ thống kinh doanh hiệu quả; làm thế nào để mở một doanh nghiệp với số vốn rất ít ban đầu, cách xây dựng công ty từ ngày đầu khởi nghiệp; cách quản lý tiền bạc và phát triển hệ thống...

- **Hệ thống thông tin quản lý (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Quản trị học

**Mô tả môn học:** Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về thông tin, hệ thống, hệ thống thông tin và hệ thống thông tin quản lý phục vụ cho việc: hoạch định và tổ chức các hệ thống thông tin cho tổ chức/doanh nghiệp, phát triển các hệ thống này một cách thích hợp và hiệu quả để nâng cao hiệu quả hoạt động và mang lại lợi thế cạnh tranh cho tổ chức/doanh nghiệp.

- **Truyền thông trong kinh doanh (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** không

**Mô tả môn học:** Sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản trong hoạt động giao tiếp nói chung và giao tiếp trong hoạt động sản xuất kinh doanh nói riêng. Đồng thời, cũng rèn luyện những kỹ năng cần thiết trong quá trình làm việc như : Kỹ năng thuyết trình, trình bày một vấn đề, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, email, . . .

- **Hành vi tổ chức**

**Môn học trước:**

**Mô tả môn học:**

- **Quản trị chiến lược (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Quản trị tài chính, Quản trị vận hành, Quản trị chất lượng

**Mô tả môn học:** Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học về chiến lược và quản trị chiến lược, là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức chủ yếu và khả năng áp dụng tiến trình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp cũng như các loại hình tổ chức khác, với các nội dung chính về: phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, xây dựng chiến lược, tổ chức chiến lược, và kiểm soát chiến lược. Sau khi hoàn thành môn học, người học có khả năng thực hành quy trình quản trị chiến lược trong các loại hình tổ chức kinh doanh.

- **Quản trị vận hành (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Quản trị học, Khoa học quản lý ứng dụng

**Mô tả môn học:** Môn học này cung cấp các kiến thức nền tảng về quản trị vận hành các hoạt động trong tổ chức / doanh nghiệp từ dự báo, thiết kế sản phẩm / dịch vụ, thiết kế công việc đến quản lý tồn kho, cung ứng, đảm bảo chất lượng.

- **Quản trị Marketing**

**Môn học trước:**

## **Mô tả môn học:**

- **Quản trị chuỗi cung ứng (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Khoa học quản lý ứng dụng, Hệ thống thông tin quản lý

**Mô tả môn học:** Môn học này cung cấp các kiến thức nền tảng về quản trị chuỗi cung ứng và những kỹ năng cần thiết để ứng dụng quản trị chuỗi cung ứng vào trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Quản trị chất lượng (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Nguyên lý marketing, Quản trị chuỗi cung ứng

**Mô tả môn học:** Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản nhất về quản trị chất lượng. Bắt đầu từ việc nhận thức đúng vấn đề chất lượng theo quan điểm hiện đại: khái niệm chất lượng, quản trị chất lượng. Kế đến sinh viên được tiếp cận các yếu tố hình thành nên chất lượng, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng, các tiêu chí đánh giá, cách thức đánh giá và giải quyết vấn đề chất lượng. Môn học còn mang tính giới thiệu đến sinh viên những phương pháp quản lý chất lượng, những hệ thống quản lý chất lượng được vận dụng trong thực tiễn để làm nền tảng nhận thức trước khi được tiếp cận thực tế công việc sau khi sinh viên ra trường.

- **Quản trị nguồn nhân lực (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Quản trị học, Hành vi tổ chức

**Mô tả môn học:** Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, giúp sinh viên hiểu rõ và nhìn nhận một cách có hệ thống vai trò then chốt của nhân lực và quản trị nguồn nhân lực trong một tổ chức. Hiểu được những quan điểm, xu hướng mới trong quản trị nguồn nhân lực; Nắm vững và vận dụng một cách linh hoạt các chức năng cơ bản của Quản trị nguồn nhân lực; Rèn luyện và phát huy những kỹ năng thiết yếu trong công tác quản trị nguồn nhân lực: tuyển dụng; đánh giá nhân sự; động viên, khuyến khích nhân viên; giải quyết các tranh chấp lao động, v.v...

- **Hành vi khách hàng (2 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Nguyên lý marketing, Quản trị học

**Mô tả môn học:** Môn học được xây dựng để cung cấp cho học viên những kiến thức về hành vi khách hàng, bao gồm: Sau khi học xong, người học có khả năng phân tích, đánh giá được hành vi mua hàng của khách hàng cá nhân & doanh nghiệp.

- **Kiểm toán căn bản (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Nguyên lý kế toán, Nguyên lý thống kê

**Mô tả môn học:** Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về nghề nghiệp kiểm toán. Cụ thể môn học giúp người học có sự hiểu biết về vai trò của hoạt động kiểm toán, đánh giá rủi ro kiểm toán, lập kế hoạch và báo cáo kiểm toán dựa trên khuôn khổ quy định pháp lý và nghề nghiệp kiểm toán. Môn học làm tiền đề cho những môn học chuyên sâu về lĩnh vực kiểm toán công và độc lập hiện nay.

- **Marketing Dịch vụ Tài chính (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Nguyên lý marketing



**Mô tả môn học:** Khái quát những vấn đề chung về marketing dịch vụ tài chính; quá trình xâm nhập của Marketing vào hoạt động kinh doanh của các định chế tài chính; tính chất đặc thù của Marketing dịch vụ tài chính. Đề cập một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức, thực hiện Marketing trong hoạt động kinh doanh của các định chế tài chính bao gồm: phân khúc, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị; lập chiến lược và ứng dụng bộ công cụ Marketing 7Ps. Sau khi học xong, người học có thể xây dựng được chiến lược Marketing-mix cho một định chế tài chính cụ thể.

- **Quản trị bán hàng (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Nguyên lý marketing

**Mô tả môn học:** Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về Quản trị bán hàng và hoạt động bán hàng cho nhà sản xuất, các đại lý bán sỉ, bán lẻ; các chức năng, bán hàng hiệu quả. Môn học sẽ đề cập từ những khái niệm về bán hàng, các kiến thức cần thiết của người bán hàng, đến quy trình, kỹ thuật bán lẻ hàng hóa, các chiến lược bán hàng hiệu quả. Đồng thời sinh viên cũng được tiếp cận với các phương thức tổ chức quản lý bán hàng, phương pháp xây dựng tổ chức bán hàng, các biện pháp thúc đẩy bán hàng hiệu quả và các công cụ đánh giá hệ thống bán hàng.. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua thảo luận, giải quyết vấn đề theo tình huống; tham quan thực tế và thu thập thông tin để viết báo cáo chuyên đề.

- **Thực tập tốt nghiệp (3 tín chỉ)**

**Môn học trước:** các môn ngành Quản trị kinh doanh

**Mô tả:**

Thực tập tốt nghiệp là học phần hướng dẫn sinh viên tham quan, khảo sát, nghiên cứu, thực hành các hoạt động kinh doanh thực tiễn liên quan đến lãnh vực quản trị kinh doanh tại các công ty, ngân hàng thương mại, định chế tài chính phi ngân hàng, các tổ chức quản lý hoạt động tài chính- tiền tệ của chính phủ v.v... Qua thực tập, sinh viên sẽ ứng dụng các kiến thức đã học vào môi trường, vào hoạt động kinh doanh cụ thể để hiểu rõ hơn lý thuyết và giúp sinh viên bổ sung các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho tương lai.

- **Khóa luận tốt nghiệp (9 tín chỉ)**

**Môn học trước:** Theo quy chế đào tạo

**Mô tả:**

Khóa luận tốt nghiệp là một báo cáo khoa học liên quan đến lãnh vực quản trị kinh doanh. Cùng với người hướng dẫn khoa học, sinh viên sẽ ứng dụng kiến thức chuyên ngành về quản trị kinh doanh và phương pháp nghiên cứu khoa học để nghiên cứu một vấn đề phát sinh trong thực tiễn để hoàn thiện tình huống phát sinh trong thực tiễn.

## **11. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

1. Các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và chuyên nghiệp được tổ chức giảng dạy trên cơ sở nâng cao, mở rộng so với Chương trình đào tạo đại trà và được giảng viên thể hiện cụ thể trong đề cương và kế hoạch thực hiện môn học.
2. Các môn học có yêu cầu thực hành, thực tập, nghiên cứu thực tế được tổ chức lồng ghép trong quá trình tổ chức giảng dạy môn học hoặc sau khi kết thúc môn học.
3. Ít nhất 20% khối lượng kiến thức ngành và chuyên ngành (tương đương 3 – 4 môn học) được tổ chức giảng dạy trực tiếp bằng tiếng Anh. Sinh viên được yêu cầu viết khóa luận

tốt nghiệp, trong đó tối thiểu phần tóm tắt khóa luận (tối thiểu 28 dòng trên 4 trang giấy khổ A4) được thể hiện bằng tiếng Anh.

4. Chuẩn Tin học sau khi kết thúc năm thứ I là trình độ A (để được học tiếp Tin học ứng dụng ở học kỳ III, IV). Chuẩn tin học đầu ra là chứng chỉ tin học trình độ B theo chuẩn quốc gia.

5. Chương trình tiếng Anh tăng cường được tổ chức giảng dạy thành 5 học phần trong 2 năm đầu của khóa học, mỗi học phần có 4 đvtc kết hợp 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc viết từ cấp độ thấp đến cao theo chuẩn IELTS hoặc tương đương.

- Kết thúc giai đoạn đại cương, trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu theo bậc cấp độ 3/6 (hoặc tương đương) theo quy định khung năng lực 6 bậc của Việt Nam (**IELTS 4.5**);

- Chuẩn tiếng Anh đầu ra phải đạt tối thiểu theo bậc cấp độ 4/6 (hoặc tương đương) theo quy định khung năng lực 6 bậc của Việt Nam (**IELTS 5.5**).

**HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**NGUYỄN, PGS, TS. LÝ HOÀNG ÁNH**